

# Sự chuyển hoá từ thương cảng Chăm sang Việt (trường hợp Thi Nại - Nước Mặn)

ĐỖ TRƯỜNG GIANG\*

Người Việt trong quá trình mở rộng lãnh thổ và tiến về phương Nam, đã từng bước thay thế người Chăm - trở thành chủ nhân của dải đất duyên hải miền Trung ngày nay. Trong quá trình ấy đã diễn ra quá trình cộng cư và hội lưu văn hoá giữa người Việt, người Chăm, người Hoa và các cộng đồng dân tộc khác. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập tới một vấn đề cụ thể, đó là sự tiếp nhận và nối tiếp của người Việt thời các chúa Nguyễn Xứ Đàng Trong trong việc sử dụng các mối liên hệ thương mại, duy trì các thương cảng và phát triển nên hải thương vốn có từ thời vương quốc Champa. Trong đó, chúng tôi tập trung tìm hiểu sự chuyển hoá từ thương cảng Chăm sang thương cảng Việt trong trường hợp thương cảng Thi Nại-Nước Mặn (Bình Định).

## 1. Thương cảng Thi Nại, quốc cảng của vương quốc Champa xưa

Vijaya từ thế kỷ XI đến cuối thế XV, với vị thế là trung tâm chính trị, văn hoá và kinh tế của vương quốc Champa đã từng phát triển rất thịnh đạt. Những toà thành kiên cố, những đền tháp tôn giáo, những thương cảng ven biển... đã được xây dựng

và còn để lại dấu ấn đậm nét cho tới hiện tại. Trong một tổng thể Vijaya tương đối hoàn chỉnh như vậy, thương cảng Thi Nại đã trở thành quốc cảng và là cửa ngõ quan trọng nhất hướng ra thế giới bên ngoài của vương quốc Champa.

*Kinh thế đại điển tự lục* chép về cảng Thi Nại: “cửa cảng phía Bắc liền với biển, bên cạnh có 5 cảng nhỏ thông với Đại Châu của nước ấy, phía Đông Nam có núi ngăn, phía Tây có thành gổ”<sup>(1)</sup>. *Đại Việt Sử ký Toàn thư* cũng có chép về thương cảng này: “Tỳ Ni bến cảng của Chiêm Thành, nơi tụ tập các thuyền buôn... chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là chỗ bến tàu xung yếu”<sup>(2)</sup>. Sách *Doanh Nhai Thăng lâm* đời Minh thì chép rằng: “Chiêm Thành có cửa biển gọi là cảng Tân Châu, bờ cũng có tháp đá lăm mốc, thuyền đến đây thì buộc vào, có trại gọi là Thiết Tỉ Nại”<sup>(3)</sup>. Trong các nguồn tư liệu, thương cảng Thi Nại được nhắc tới với nhiều tên gọi khác nhau như: Thi Li, Bì Nại, Tì Ni, Thiết Tì Nại, Thu Mi Liên, Tân Châu Cảng, Chiêm Thành Cảng, Cri Banoy...<sup>(4)</sup>.

Lê Tắc trong *An Nam Chí Lược* có chép về Champa “Nước Chiêm Thành: lập quốc tại mé biển, thương thuyền Trung Quốc

\* Đỗ Trường Giang, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

vượt bể đi qua các nước phiên phục, thường tập trung tại đây để chứa củi và nước, là bến tàu lớn nhất tại phía Nam”<sup>(5)</sup>. Đến thời Minh, Champa trở thành một trong những vương quốc “chư hầu trung thành” của Trung Hoa. Trong vòng 28 năm (từ 1405 đến 1433), nhà Minh đã phái cử Trịnh Hoà thực hiện các chuyến thám hiểm của mình xuống các nước Đông Nam Á và Nam Á bằng đường biển. Trong cả bảy lần viễn dương đó, đoàn thương thuyền của Trịnh Hoà đều đã tới Champa<sup>(6)</sup>, rất có thể nơi mà Trịnh Hoà đã tới chính là thương cảng Thi Nại ở cửa ngõ của kinh đô Vijaya. Từ những ghi chép của Lê Tắc, đối chiếu với các chuyến hải trình của Trịnh Hoà, có thể thấy rằng, *thương cảng Thi Nại của vương quốc Champa đã trở thành một điểm đến quen thuộc của các thương thuyền trên tuyến hải thương khu vực, đặc biệt, Thi Nại đã trở thành một điểm kết nối mang tính chiến lược giữa Trung Quốc với thế giới Đông Nam và Tây Nam Á.*

Do địa thế giáp biển, lại nằm gần kinh đô Vijaya, nên Thi Nại trong lịch sử thường xuyên trở thành đối tượng tấn công của các đội quân viễn chinh ngoại bang. Người Việt, người Khmer, quân Nguyên Mông đều đã xem đây như là địa điểm đánh chiếm đầu tiên trong những cuộc viễn chinh đánh Champa của mình. “Thành Phật Thệ, kinh đô Chiêm Thành bấy giờ, ở vào địa phận Bình Định ngày nay... ba phía, bắc, tây, nam, đều có núi cao che chở. Chỉ miền đông là trực tiếp với nước, tại vũng Nước Mặn (Vịnh Quy Nhân ngày nay). Vũng chạy dài từ bắc chí nam 20 cây số và thông với bể bằng cửa Thi Nại, hẹp và sâu. Muốn tới thành Vijaya, chỉ có do phía đông là dễ dàng (tức qua cảng Thi Nại-TG)”<sup>(7)</sup>. Để phục vụ cho chức năng này, Thành Thi Nại đã được xây

dựng. Theo những khảo sát của Nhà khảo cổ học Lê Đình Phụng thì “Thành Thi Nại nằm trên địa phận thôn Bình Lâm, xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước. ở hạ lưu sông Côn, tiếp giáp với đầm Thị Nại-một hải cảng tự nhiên sớm được sử dụng trong lịch sử... Về kinh tế, Thi Nại là đầu mối giao thông đường thuỷ nối liền châu Vijaya với các vùng trong nước và nước ngoài. Về quân sự, Thị Nại án ngữ cửa ngõ con đường thuỷ gần nhất và thuận lợi nhất dẫn vào châu Vijaya và đô thành Vijaya”<sup>(8)</sup>. Như vậy là *Thi Nại, bên cạnh chức năng chính là về mặt kinh tế, còn thường xuyên nắm giữ chức năng như một quân cảng, bảo vệ cho kinh đô Vijaya.*

Sau cuộc viễn chinh của vua Lê Thánh Tông năm 1471, Thi Nại và vùng Vijaya thuộc quyền kiểm soát của người Việt, và được sáp nhập vào lãnh thổ của Đại Việt. Hệ quả là trong một thời gian dài, Thi Nại cùng hệ cảng miền Trung đã bị mất dần đi vai trò là những trạm trung chuyển giữa thế giới Arab, Á với thị trường rộng lớn Trung Hoa. Thương cảng Thi Nại bước vào thời kỳ dài suy thoái, và chỉ được phục hưng dưới thời các chúa Nguyễn Đàng Trong.

## 2. Thương cảng Nước Mặn xứ Đàng Trong

Sự thiết lập quyền lực chính trị của các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã đem lại một diện mạo mới cho vùng đất này. Với những chính sách kinh tế tích cực, các chúa Nguyễn đã khuyến khích người nước ngoài đến Đàng Trong buôn bán, các cảng miền Trung là nơi đón nhận nhiều thuyền buôn nước ngoài đến trao đổi buôn bán. Chính những chính sách “khai mở” của các Chúa Nguyễn đã dẫn tới sự hồi sinh và hưng khởi của nhiều cảng thị ven biển như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn... Có thể

nói, thế kỷ XVII là thời phục hưng các cảng thị miền Trung, các cảng này đã chuyển hóa từ cảng Chăm sang cảng Việt<sup>(9)</sup>.

Địa hình của miền Trung Việt Nam thuận lợi cho việc mở mang và duy trì các cảng biển. Điều này được Borri ghi nhận trong hồi ký của mình: “về hải cảng thì thật là lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn 100 dặm 1 chút mà người ta đếm được hơn 60 cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền là vì ở ven bờ có rất nhiều nhánh biển lớn”<sup>(10)</sup>.

Dưới thời các chúa Nguyễn khi lãnh thổ mở rộng về phương Nam, phủ Quy Nhơn được coi là một trung tâm quan trọng, từ đây có thể đi ra bắc tiếp xúc với vùng đất trọng trấn xứ Quảng Nam, đi vào nam với các phủ Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh vùng đất mới mở. Đây có thể coi là vùng đất cực phủ được quản lý ổn định hơn 200 năm trong lãnh thổ. Vùng đất này biển hải sản phong phú, nối với cao nguyên giàu sản vật rừng, lại có truyền thống thương cảng từ thời Champa trong lịch sử. Chính vì thế nơi đây đủ điều kiện phát triển nghề thương mại biển, tạo nên nguồn sức sống cho các hải cảng<sup>(11)</sup>.

Thương cảng Nước Mặn nằm tại phủ Quy Nhơn, “của cải trong một phủ, có phần đầy đủ, cùng với phủ Tư Nghĩa, phủ Thăng Hoa, đều gọi là hạt giàu có. Sản vật có nhiều, như: trầm hương, tốc hương, sừng tê, vàng bạc, đồi mồi, châu báu, sáp ong, đường, mật, dầu, sơn, cau tươi, hồ tiêu, cá, muối và các thứ gỗ đều rất tốt; thóc lúa không biết bao nhiêu mà kể. Ngựa sinh ra trong hang núi có từng đàn đến hàng trăm nghìn con”<sup>(12)</sup>. Bên cạnh đó “Phủ Quy Nhơn thì các cửa biển Tân Quan, Thới Phú, Nước Ngọt, Nước Mặn đều có đảo nhiều yến sào, lập đội Thanh Châu để lấy”<sup>(13)</sup>, “kỳ nam hương xuất từ

đầu núi các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh xứ Quảng Nam là thứ tốt nhất; xuất tự Phú Yên và Quy Nhơn là thứ hai”<sup>(14)</sup>. “Ba phủ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Gia Định thì thóc gạo không kể xiết, khách Bắc buôn bán quen khen bao không ngớt”<sup>(15)</sup>. Chính sự phong phú của các sản vật tự nhiên như vậy, đã mang lại những nguồn hàng giá trị, thu hút sự có mặt của các thương nhân, tàu buôn tại khu vực này. *Phủ biên tạp lục* cũng ghi nhận vào năm 1768, Quy Nhơn đã cung cấp 93 trong tổng số 341 thuyền do chính quyền mộ để chở thóc gạo từ đồng bằng sông cửu long tới Thuận Hoá.

Về vịnh biển Thi Nai, *Đại Nam Nhất Thống Chí* có chép “Tân Thi Nai ở phía đông huyện Tuy Phước, rộng 197 trượng, thủy triều lên sâu 4 trượng 7 thước, thủy triều xuống sâu 4 trượng 4 thước”<sup>(16)</sup>. Nước Mặn được ghi trong Hồng Đức bản đồ là “Nước Mặn hải môn”, và được Alexandre de Rhodes vẽ trên bản đồ và phiên âm là “Nehorman”. Người phương Tây trong quá trình buôn bán và du hành ở nơi này thì gọi tên cảng theo tên của phủ Quy Nhơn là “Quingnin” hay “Pulucambi” (người Bồ Đào Nha), “Quy Nong” (người Anh), “Sintcheou” hoặc “Chincheo” (phiên âm theo tiếng Trung Quốc từ chữ Tân Châu). Trong các hồ sơ của VOC tên của cảng này là “Quinam”<sup>(17)</sup>.

Năm 1793, một đoàn sứ bộ người Anh đến Quy Nhơn đã ghi lại một chi tiết đáng chú ý là “...ở phía bắc mũi Nạy (Varella) là Quin Nong (Quy Nhơn), nơi ghe tàu trong vùng thường qua lại... Vùng biển này rất tốt. Nó là chỗ chấn tất cả các loại gió. Cũng có một con lạch đi qua rất hẹp nên những con tàu muốn đi vào đầm phải chờ thủy triều lên.”<sup>(18)</sup>. P.Poivre trong tập hồi ký của mình có viết “tại tỉnh Quy Nhơn có một thương cảng khác gọi là

Nước Mạn là một cảng tốt, an toàn được thương nhân lui tới nhiều<sup>(19)</sup>. Còn Manguin thì cho biết “ở bờ biển Việt Nam, Quy Nhơn là vịnh được cấu tạo cho việc trú ẩn của tàu thuyền tốt nhất. Ở đó được thiết lập cảng của kinh đô Vijaya - Thị Nại chính trong sách sử ký viết “là thương cảng thứ nhất của Champa”. ở đó còn có Tân Châu (Sin Tcheou)-cảng của những nhà du hành Trung Quốc vào thế kỷ XV<sup>(20)</sup>. Theo ghi chép của Borri thì Nước Mạn “là một địa điểm dài chừng hai dặm và rộng tới một dặm rưỡi”.

Như vậy là, những thương nhân, nhà du hành, nhà truyền giáo phương Tây khi đến xứ Đàng Trong vào thế kỷ XVII-XVIII, đã ghi nhận về sự tồn tại và hoạt động của thương cảng Nước Mạn. Những ghi chép này dù tương đối ít ỏi, nhưng cũng cho chúng ta biết được một phần diện mạo, cũng như vị thế của thương cảng này trong mối quan hệ với Hội An và các thương cảng khác.

Thương cảng Nước Mạn, từ vị thế là một *quốc cảng* của vương quốc Champa xưa, đã trở thành một thương cảng-trung tâm vùng dưới thời các chúa Nguyễn Đàng Trong<sup>(21)</sup>. Vị thế thương cảng số một đã thuộc về Hội An bởi những lợi thế vốn có của thương cảng này, cũng như bởi những nguyên do về mặt chính trị, kinh tế khác. Tuy vậy, Nước Mạn đã có vai trò quan trọng trên con đường tiến về phương nam của các chúa Nguyễn. Bên cạnh đó, Nước Mạn còn nắm vị thế là trung tâm kết nối biển với lục địa, kết nối giữa vùng cao nguyên trù phú với đồng bằng và vùng biển phía đông.

Tuyến đường thương mại Nước Mạn-An Khê-Mê Kông là sự tiếp nối tuyến thương mại từ thời Champa. Do những nguyên nhân về mặt an ninh, cũng như về

mặt kinh tế mà mối liên hệ giữa người Việt, người Hoa ở đồng bằng ven biển với đồng bào người Thượng vẫn tiếp tục được duy trì, và giữ một vai trò quan trọng trong việc duy trì dòng chảy thương mại. Theo Dourisboure, một thừa sai người Pháp đến vùng cao nguyên vào năm 1851, thì tại vùng này, hầu như tất cả các dụng cụ bằng sắt và khí giới đều do người Sedang cung cấp. Người Sedang vốn biết khai thác các trầm tích sắt. Người Renjao và người Banar ở phía tây thì dệt vải. Người Banar Alakong phía đông có thể đã trao đổi với người Việt nam hàng của họ để lấy muối và đa số các mặt hàng thiết yếu nhất người cao nguyên muốn người Việt cung cấp cho họ”. Bên cạnh đó “việc buôn bán giữa người Việt Nam và các dân tộc vùng cao nguyên ở Đàng Trong vào các thế kỷ XVII-XVIII có một tầm quan trọng hơn ngày nay người ta tưởng nhiều. Các sản phẩm miền núi quả là quan trọng đối với nền kinh tế của Đàng Trong đến độ người Việt đã nghi thức hoá tiến trình trao đổi hàng hoá này trong một nghi lễ gọi là “đi nguồn”<sup>(22)</sup>.

Thương cảng Nước Mạn còn là đầu mối lưu thông hàng hoá cho các nước Đông Nam Á lục địa vốn không thuận lợi về giao thương biển. Điều này được ghi nhận bởi Keith Taylor khi ông cho rằng: “đến những năm 1690, Bình Định đã trở thành trung tâm của một mạng lưới giao thông và liên lạc kết nối trung tâm Thuận Quảng của Đàng Trong với đồng bằng sông Mê Kông ... Một tính chất quan trọng khác của Bình Định là vị trí của nó như một bến cuối của tuyến đường được đi lại nhiều dọc cao nguyên đến thung lũng Mê Kông, băng qua An Khê, Play Ku, và đến sông Mê Kông ở Stung Treng ở nơi mà hiện nay là phía Bắc Campuchia, nơi nó nối kết với mạng lưới giao thương tỏa ra

ở Ayudhaya/Bangkok. Thương mại di chuyển dọc tuyến đường này, nối Bình Định với những mối quan tâm buôn bán của người Xiêm. Quy Nhơn trở thành trung tâm thương mại quan trọng tại đầu mối của một cảng biển lý tưởng, con đường phía tây qua núi, con đường phía Bắc đến Thuận Quảng, và con đường phía nam tới đồng bằng sông Mê Kông<sup>(23)</sup>.

Cũng giống như các thương cảng khác ở miền Trung, sự phát triển của thương cảng Nước Mặn gắn liền với vai trò của các thương nhân Hoa Kiều. Bên cạnh đó còn có sự xuất hiện của thương nhân Nhật Bản, thương nhân phương Tây. Dấu ấn của người Hoa tại thương cảng này còn lưu lại tới ngày nay, với sự tồn tại của làng Minh Hương, cùng các di tích Chùa Ông, Chùa Bà<sup>(24)</sup>. "Tại thị tứ Nước Mặn (nay thuộc xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), sự tập trung người Hoa còn đậm đặc hơn. Đây vốn là một cảng thị, một điểm tập kết của người Hoa trước khi tỏa đi các địa phương khác làm ăn sinh sống. Xã Minh Hương (xã của người Minh Hương-tên gọi người Hoa đã nhập quốc tịch Việt Nam) được lập ra ở đây đã thể hiện điều đó"<sup>(25)</sup>. Các dân tộc vùng cao và người Việt tham gia vào hoạt động thương mại này, nhưng các cộng đồng người Hoa ở Ayudhya/Bangkok và Quy Nhơn cung cấp vốn và các mối quan hệ để kích hoạt giao thương (26). Vai trò nổi bật của các thương gia và trung gian người Nhật và người Hoa vào thời kỳ này có khuynh hướng lấn át sự hiện diện của các thương gia người Việt Nam<sup>(27)</sup>. Chính sự hiện diện và tham gia của các thương nhân ngoại quốc đã mang lại sức sống cho không chỉ thương cảng Nước Mặn mà còn cho cả các thương cảng Đàng Trong khác như Hội An, Thanh Hà. Các thương nhân ngoại quốc trở thành cầu nối hiệu quả giữa thị trường trong nước với

thế giới bên ngoài.

## Kết Luận

Do những lợi thế về nguồn sản vật có giá trị, cùng vị trí quan trọng trong tuyến đường hải thương kết nối thị trường Trung Hoa với thế giới Đông Nam và Tây Nam Á mà miền Trung Việt Nam trong lịch sử đã có lịch sử phát triển ngoại thương lâu dài. Các chính thể khi nắm vị thế là chủ nhân của vùng đất này đều cố gắng dự nhập vào nền hải thương khu vực, lấy sự phát triển về ngoại thương làm nền tảng cho sự phát triển của quốc gia, đồng thời bù đắp cho những thiếu hụt tự thân.

Người Chăm và vương quốc Champa trong lịch sử đã có lịch sử phát triển hải thương lâu dài, và được ghi nhận như là một "vương quốc biển" hay "thế chế biển" điển hình trong lịch sử Đông Nam Á cổ trung đại. Cù Lao Chàm, Đại Chiêm Hải Khẩu, Thi Nại... đã từng là những thương cảng quan trọng. Từ cuối thế kỷ X đến cuối thế kỷ XV, Thi Nại đã đóng vai trò là quốc cảng của vương quốc Champa, trung tâm buôn bán mang tính quốc tế, nắm giữ vai trò kết nối Champa với khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, có thể nói Thi Nại trở thành một điểm kết nối biển với lục địa điển hình.

Các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong trong quá trình mở mang lãnh thổ về phương Nam, đã lựa chọn phát triển ngoại thương làm cơ sở, nền tảng để duy trì thể chế và nâng tầm vị thế của mình trong khu vực. Từ thế kỷ XVI-XVIII, đã diễn ra sự chuyển hóa từ thương cảng Chăm sang Việt trong trường hợp Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn... Thương cảng Nước Mặn đã nối tiếp những lợi thế vốn có từ thời Thi Nại để trở thành một thương cảng trọng yếu của xứ Đàng Trong. Dù không còn giữ

vị thế là *quốc cảng* như Thi Nại, nhưng Nước Mặn có những sứ mệnh và vai trò lịch sử đặc biệt của mình trong việc phát triển ngoại thương và mở mang lãnh thổ người Việt về phương nam./.

### CHÚ THÍCH

1. *Kinh thế đại điển tự lục*, dẫn theo Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.2003, tr.145.
2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt Sử ký Toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học Xã hội, H.1993, tr.87.
3. Dẫn theo Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII, sđd, tr.169*. Theo các tác giả của sách này thì Thiết Tĩ Nại tức Thi Lị Bì Nại trong “Việt sử lược” và là Thi Nại, tức của Quy Nhơn.
4. Lê Đình Phụng: *Di tích văn hoá Champa ở Bình Định*, Nxb Khoa học Xã hội, H.2002, tr.225.
5. Lê Tác: *An Nam Chí Lược*, Nxb Thuận Hóa -Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, H.2002, tr.72.
6. Tham khảo bài viết của Dương Văn Huy: *Về những đợt thám hiểm của Trịnh Hoà ở Đông Nam Á*, tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á 2/2006, tr.69-74.
7. Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt- lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, in trong: “Hoàng Xuân Hãn, tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh”, Nxb Khoa học Xã hội, H.2003, tr.54
8. Lê Đình Phụng: *Vài ý kiến về thành cổ Chăm pa ở Bình Định*, Văn hoá Bình Định, chuyên san Văn hoá Chăm trên đất Bình Định, 1993, tr.9.
9. Trần Quốc Vượng: *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*, Nxb Văn hoá Dân tộc, H.1998, tr.350
10. C.Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb tp Hồ Chí Minh, 1998, tr.91.
11. Lê Đình Phụng: *Thương cảng Nước Mặn (Quy Nhơn) - Xứ Đàng Trong*, in trong: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII, Nxb Thế giới, H., 2007, tr.586
12. Phan Huy Chú: *Lịch triều Hiến chương Loại chí*, Dư Địa Chí, Nxb Giáo Dục H.2007, tr.195.
- 13, 14, 15, Lê Quý Đôn: *Phủ Biên Tạp Lục* tr.51; tr.425. tr.433.
19. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Nxb Thuận Hoá, 1996, tr.40
- 17, 18, 19, Đỗ Bang: *Phố cảng vùng Thuận Quảng*, Nxb Thuận Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, H.1996, tr.148; tr.154.
20. Manguin: *Les Portugals lesur côyes du Vietnam et du Campa*, BEFEO, Paris, 1972
21. Về việc xác định vị trí các bến cảng, các dấu tích còn lại của thương cảng Nước Mặn, tham khảo trong: Đỗ Bang: *Phố cảng vùng Thuận Quảng*, Nxb Thuận Hóa, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, H.1996; Đỗ Bang: *Dấu tích của cảng th. Nước Mặn*, NPHMVKCH 1991, Viện khảo cổ học, Hà Nội; Lê Đình Phụng: *Thương cảng Nước Mặn (Quy Nhơn)- Xứ Đàng Trong*, sđd, tr.583-592; Nguyễn Xuân Nhân: *Tìm hiểu thương cảng Nước Mặn thuở phồn vinh*, Bình Định, 2002.
- 22, 27. Li Tana: *Xứ Đàng Trong Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Trẻ, 1999. tr.177; tr.116.
- 23, 26. Keith w.Taylor: *Thuận Quảng và Bình Định trong cuộc xung đột vùng miền ở Việt Nam*, tạp chí Xưa và Nay, số 270, 10-2006, tr.8
24. Tham khảo thông tin và tư liệu trong Nguyễn Xuân Nhân: *Tìm hiểu thương cảng Nước Mặn thuở phồn vinh*, Bình Định, 2002
25. Phan Đại Doãn-Vũ Hồng Quân: *Thị tứ hiện tượng đô thị hóa (qua tư liệu tỉnh Bình Định)*, in trong: Văn hóa dân gian vùng thành Hoàng Đế, Nxb Khoa học Xã hội, H.,2004, tr.355.